

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 2

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số gồm 0 đơn vị, 4 phần mười, 3 phần trăm, 9 phần nghìn viết là:

- A. 9 340 B. 0,934 C. 4,39 D. 0,439

Phương pháp

Để viết số thập phân, ta viết phần nguyên, dấu phẩy, rồi viết phần thập phân.

Lời giải

Số gồm 0 đơn vị, 4 phần mười, 3 phần trăm, 9 phần nghìn viết là: 0,439

Đáp án: D

Câu 2. Giá trị của chữ số 9 trong số 235,869 là:

- A. $\frac{9}{10}$ B. $\frac{9}{100}$ C. $\frac{9}{1000}$ D. $\frac{9}{10000}$

Phương pháp

Xác định hàng của chữ số 9 rồi xác định giá trị của chữ số đó trong số đã cho.

Lời giải

Chữ số 9 trong số 235,869 thuộc hàng phần nghìn nên có giá trị là $\frac{9}{1000}$.

Đáp án: C

Câu 3. Trên một tấm bản đồ, khoảng cách giữa hai điểm A và B là 15cm. Khoảng cách này trên thực tế là 300km. Hỏi bản đồ này được vẽ theo tỉ lệ nào?

- A. 1 : 20 000 B. 1 : 200 000 C. 1 : 20 000 000 D. 1 : 2 000 000

Phương pháp

- Đổi 300 km sang đơn vị cm

- Tỉ lệ bản đồ = khoảng cách trên bản đồ : khoảng cách thực tế

Lời giải

Đổi: 300 km = 30 000 000 cm

Tỉ lệ bản đồ là: $15 : 30\,000\,000 = 1 : 2\,000\,000$

Đáp án: D

Câu 4. Kết quả của phép tính $765,9 \times 0,001$ là:

- A. 7,659 B. 765 900 C. 0,7659 D. 7 659 000

Phương pháp

Muốn nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001; ... ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba, ... chữ số.

Lời giải

Ta có $765,9 \times 0,001 = 0,7659$

Đáp án: C

Câu 5. Bác Nam đóng một mặt bàn gỗ hình tròn có đường kính bằng 75 cm. Chu vi của mặt bàn đó là:

- A. 235,5 cm B. 471 cm C. 117,75 D. 415,25

Phương pháp

Chu vi hình tròn = đường kính \times 3,14

Lời giải

Chu vi của mặt bàn đó là: $75 \times 3,14 = 235,5$ (cm)

Đáp án: A

Câu 6. Có 168 lít dầu được chia đều vào 35 can. Hỏi 24 can dầu như thế có tất cả bao nhiêu lít dầu?

- A. 192 lít B. 112,5 lít C. 108 lít D. 115,2 lít

Phương pháp

- Tìm số lít dầu trong mỗi can
- Tìm số lít dầu trong 24 can

Lời giải

Số lít dầu trong mỗi can là: $168 : 35 = 4,8$ (lít)

24 can dầu như thế có tất cả số lít dầu là: $4,8 \times 24 = 115,2$ (lít)

Đáp án: D**II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Đặt tính rồi tính

- a) $658,3 + 96,28$ b) $93,813 - 46,47$ c) $37,14 \times 82$ d) $308 : 5,5$

Phương pháp

Đặt tính rồi tính theo quy tắc đã học

Lời giải

$$\begin{array}{r} \text{a) } 658,3 \\ + 96,28 \\ \hline 754,58 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b) } 93,813 \\ - 46,47 \\ \hline 47,343 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c) } 37,14 \\ \times 82 \\ \hline 74,28 \\ 2971,2 \\ \hline 3045,48 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d) } 3080 \overline{) 5,5} \\ 330 \overline{) 56} \\ 00 \overline{) } \end{array}$$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) $7,68 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

b) $8,02 \text{ km}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

c) $3 \text{ tấn } 7 \text{ yến} = \dots\dots\dots \text{ tấn}$

d) $2 \text{ ha } 150 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ m}^2 = 10\,000 \text{ cm}^2$; $1 \text{ km}^2 = 100 \text{ ha}$

$$1 \text{ yến} = \frac{1}{100} \text{ tấn}; 1 \text{ m}^2 = \frac{1}{10000} \text{ ha}$$

Lời giải

a) $7,68 \text{ m}^2 = \mathbf{76\,800} \text{ cm}^2$

b) $8,02 \text{ km}^2 = \mathbf{802} \text{ ha}$

c) $3 \text{ tấn } 7 \text{ yến} = \mathbf{3,07} \text{ tấn}$

d) $2 \text{ ha } 150 \text{ m}^2 = \mathbf{2,015} \text{ ha}$

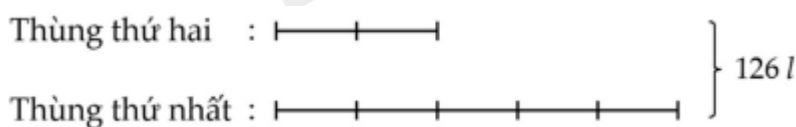
Câu 3. Hai thùng dầu chứa tổng cộng 126 lít. Biết số dầu ở thùng thứ nhất bằng $\frac{5}{2}$ số dầu ở thùng thứ hai. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

Phương pháp

- Vẽ sơ đồ
- Tìm tổng số phần bằng nhau
- Tìm giá trị của 1 phần
- Tìm số lít dầu ở mỗi thùng

Lời giải

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 5 = 7 \text{ (phần)}$$

Thùng thứ hai có số lít dầu là:

$$126 : 7 \times 2 = 36 \text{ (lít)}$$

Thùng thứ nhất có số lít dầu là:

$$126 - 36 = 90 \text{ (lít)}$$

Đáp số: Thùng thứ nhất 90 lít; thùng thứ hai 36 lít.

Câu 4. Một thửa ruộng dạng hình thang có độ dài 2 đáy là 18 m và 32 m; chiều cao bằng trung bình cộng của hai đáy. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, cứ 1 m^2 thu hoạch được 1,2 kg thóc. Hỏi:

a) Trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

b) Nếu mỗi ki-lô-gam thóc có giá 14 200 đồng thì bán hết lượng thóc đó người ta thu được bao nhiêu tiền?

Phương pháp

a) Tìm chiều cao của thửa ruộng = (đáy lớn + đáy bé) : 2

Tìm diện tích thửa ruộng = (đáy lớn + đáy bé) x chiều cao : 2

Tìm số kg thóc thu hoạch được = Diện tích x 1,2

b) Tìm số tiền thu hoạch được = Giá tiền của mỗi kg thóc x số kg thóc thu hoạch được

Lời giải

a) Chiều cao của thửa ruộng đó là:

$$(18 + 32) : 2 = 25 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng đó là:

$$(32 + 18) \times 25 : 2 = 625 \text{ (m}^2\text{)}$$

Trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được số ki-lô-gam thóc là:

$$1,2 \times 625 = 750 \text{ (kg)}$$

$$\text{Đổi: } 750 \text{ kg} = 7,5 \text{ tạ}$$

b) Người ta thu được tất cả số tiền là:

$$14\,200 \times 750 = 10\,650\,000 \text{ (đồng)}$$

$$\text{Đáp số: a) } 7,5 \text{ tạ}$$

$$\text{b) } 10\,650\,000 \text{ đồng}$$